

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng.

Bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Th Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 189/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2022/QĐ-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Tạ Quốc H**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Thái Bình.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Th**, sinh năm 1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số nhà ..., đường T, khu H, thị trấn N, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại: Cộng hòa Liên bang N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Tạ Quốc H trình bày: Anh và chị Th tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 07/6/2005. Đến năm 2007 vợ chồng sang Cộng hòa liên bang Nga lao động, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2013 anh về Việt Nam còn chị Th ở lại Cộng hòa liên bang N lao động. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không tin tưởng

nhau. Vợ chồng chấm dứt liên lạc từ lâu. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Th.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Tạ Khánh L, sinh ngày 26/7/2005 và Tạ Bảo K, sinh ngày 16/8/2010. Hiện hai con chung đang ở với anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con, tự nguyện không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Trần Thị Th là mẹ đẻ chị Th xác định: Chị Th đi lao động tại Cộng hòa liên bang Nga từ năm 2007, từ khi đi đến nay chị Th có về Việt Nam một vài lần, chị Th thường xuyên liên lạc về gia đình qua điện thoại, nH địa chỉ bà không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị Th biết. Bà Thoa cung cấp nội dung chị Th, anh H sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên sống xa nhau, mỗi người ở một nơi, nhiều lần chị Th có gọi điện cho bà nói chuyện vợ chồng sẽ ly hôn. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho chị Th, chị Th không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình, đã thông tin qua liên lạc điện thoại, chị Th có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên nhất trí ly hôn; về con chung chị Th đồng ý để anh H nuôi hai con; về tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết; Do điều kiện không về Việt Nam để giải quyết ly hôn, nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị Th, anh H là Tạ Khánh L và Tạ Bảo K có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn vắng mặt và giấu địa chỉ. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh H được ly hôn chị Th. Về con chung: Giao con chung là Tạ Khánh L, sinh ngày 26/7/2005 và Tạ Bảo K, sinh ngày 16/8/2010 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng cho con. Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Tạ Quốc H khởi kiện bị đơn chị Trần Thị Th có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại Số nhà 51, đường T, khu H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Cộng hòa liên bang N không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị Th ở nước ngoài. Chị Th thường xuyên liên lạc

điện thoại với mẹ đẻ là bà Trần Thị Th. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã đề nghị người thân của chị Th cung cấp địa chỉ, nH gia đình không cung cấp được. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, gia đình đã thông báo cho chị Th biết việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh H chị Th. Đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị Th vẫn vắng mặt. Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Quốc H và chị Trần Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 07/6/2005 nên hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H, chị Th sống xa nhau, mỗi người ở một nơi vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn. Thông qua liên lạc với gia đình, chị Th cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H, chị Th đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm tới ai, cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn giữa anh H, chị Th được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình chị Th và quan điểm của các đương sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh H ly hôn chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Tạ Quang H và chị Trần Thị Th có hai con chung là Tạ Khánh L, sinh ngày 26/7/2005 và Tạ Bảo K, sinh ngày 16/8/2010. Chị Th đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, chị Th cũng đồng ý để anh H trực tiếp nuôi cả hai con chung. Các con chung là Tạ Khánh L và Tạ Bảo K đều có nguyện vọng được ở với bố là Tạ Quang H. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, HĐXX chấp nhận giao con chung cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng cho con. Nếu như có căn cứ cho rằng anh H nuôi con không đảm bảo, ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung thì chị Th có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị Th không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Tạ Quốc H phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Tạ Quốc H** ly hôn chị **Trần Thị Th.**

2. Về con chung: Giao cho anh Tạ Quốc H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Tạ Khánh L, sinh ngày 26/7/2005 và Tạ Bảo K, sinh ngày 16/8/2010 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở chị Trần Thị Th thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Tạ Quốc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2021/0001074 ngày 23/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Tạ Quốc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Trần Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục T.H.A DS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn N, huyện N (để ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân